

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46 /2025/DS-ST
Ngày: 24 – 9 – 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghét

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Anh Lê Việt Phương

2. Anh Tô Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Anh Trần Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 09 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Lượng E, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp P, xã P, tỉnh Cà Mau)

Bị đơn: Anh Châu Quốc T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp T, xã V, tỉnh Cà Mau)

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2024, quá trình làm việc nguyên đơn trình bày: Anh và anh T có ký kết hợp đồng mua bán lúa vào tháng 03/2024 (âm lịch). Anh T là người đặt cọc lúa với nông dân, đến khi thu hoạch anh sẽ trực tiếp đến cân lúa. Sau đó giữa anh và anh T sẽ trừ tiền cọc với nhau và anh T hưởng tiền cò mỗi tấn là 50.000 đồng. Anh T và anh ký kết 03 hợp đồng mua bán lúa như sau: ngày 15/03/2024(âm lịch) ký hợp đồng mua lúa tươi 300 tấn giá 8.400 đồng, đặt cọc số tiền 120.000.000 đồng; Ngày 16/03/2024 (âm lịch) ký hợp đồng mua lúa tươi là 700 tấn giá 8.400 đồng, đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng; Ngày 19/03/2024 (âm lịch) ký hợp đồng mua bán lúa tươi

200 tấn giá 9.600 đồng, đặt cọc số tiền 80.000.000 đồng. Tổng số tiền cọc mà anh đã đưa cho anh T là 400.000.000 đồng.

Đến thời hạn thu hoạch lúa thì anh T chỉ giao cho anh được 70 tấn lúa. Tuy nhiên anh T không đồng ý trừ tiền cọc lúa và anh đã phải trả toàn bộ tiền lúa cho nông dân. Sau đó anh có làm đơn thưa anh T tại Công an huyện H, thì anh T có trả anh được số tiền 150.000.000 đồng. Còn lại 250.000.000 đồng thì anh T có làm giấy hẹn trả nợ ngày 13/5/2024 nhưng đến nay anh T không thực hiện việc trả nợ cho anh.

Nay anh yêu cầu anh Châu Quốc T trả anh số tiền 250.000.000 đồng. và tiền lãi tính từ ngày 13/5/2024 lãi suất theo quy định pháp luật cho đến khi anh T trả hết nợ. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Anh Châu Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt khảnh có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L Em. Buộc anh Châu Quốc T trả cho anh Nguyễn Văn L Em số tiền 250.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày 13/5/2024.

- Về án phí: Buộc anh Châu Quốc T phải nộp số tiền án phí có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Anh Nguyễn Văn L Em khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán đôi với bị đơn anh Châu Quốc T cư trú tại ấp T, xã V, tỉnh Cà Mau. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, nguyên đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn yêu cầu anh Châu Quốc T phải thanh toán số tiền gốc là 250.000.000 đồng; Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 15/03/2024 (âm lịch), ngày 16/3/2024 (âm lịch) và ngày 19/3/2024 (âm lịch) anh Nguyễn Văn L Em và anh Châu Quốc T có lập hợp đồng mua bán. Anh T đã nhận tiền cọc mua lúa của anh T số tiền 400.000.000 đồng.

Như vậy, quan hệ mua bán lúa giữa anh Lượng E và anh T là hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

Mặt khác, trên thực tế anh Châu Quốc T đã nhận tiền cọc của anh L Em số tiền là 400.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì anh T giao không đủ số lúa theo như thỏa thuận trong hợp đồng. Anh T chỉ trả cho anh L Em được số tiền 150.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 250.000.000 đồng (theo giấy hẹn trả nợ ngày 13/5/2024). Do đó, anh Châu Quốc T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền mà các bên đã thỏa thuận trong quá trình mua bán với nhau được quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Vì vậy, việc anh Nguyễn Văn Lượng E khởi kiện số tiền 250.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 13/5/2024 đến ngày xét xử của anh Nguyễn Văn Lượng E, Hội đồng xét xử thấy rằng theo “giấy hẹn trả nợ ngày 13/5/2024” anh Châu Quốc T cam kết trả anh Nguyễn Văn L Em số tiền 250.000.000 đồng. Tuy nhiên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó yêu cầu tính lãi suất chậm trả của số tiền nợ nêu trên theo quy định pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Do các bên không thỏa thuận với nhau về mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự là 10%/năm (0,83%/tháng).

Thời điểm anh Châu Quốc T vi phạm thỏa thuận là từ ngày 13/5/2024 đến ngày xét xử 24/9/2025 là 16 tháng 11 ngày. Lãi suất được tính như sau: 250.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 16 tháng 11 ngày = 33.960.833 đồng.

[3] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Châu Quốc T phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L Em đối với anh Châu Quốc T.

Buộc anh Châu Quốc T trả cho của anh Nguyễn Văn L Em số tiền 283.960.833 đồng (trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi là 33.960.833 đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc anh Châu Quốc T phải chịu án phí sơ thẩm là 14.198.042 đồng.

Anh Nguyễn Văn Lượng E đã nộp tạm ứng án phí số tiền 6.250.000 đồng theo biên lai thu tiền tại ứng án phí, lệ phí số 0005936 ngày 20/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau) được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Mỹ Ghết